

UNIT 1: LOCAL COMMUNITY- GETTING STARTED

By the way	Nhân tiện
Suburb	(n) ngoại ô
Facility	(n) cơ sở vật chất
Shopping mall	(nphr) Khu mua sắm
Craft village	(n) Làng nghề
Get on with	(vphr) Có quan hệ tốt
Remind...of	(vphr) Nhắc nhớ...về
Stuff	(n) Thứ lặt vặt
Useful	(a) có ích
Give advice on...	(vphr) Cho lời khuyên về...
Service	(n) dịch vụ
provide	(v) cung cấp
Equipment	(n) thiết bị
particular	(a) cụ thể/ riêng biệt
Area	(n) khu vực
Purpose	(n) mục đích
Occasion	(n) dịp
Souvenir	(n) đồ lưu niệm
Occasion	(n) dịp, cơ hội
Encourage	(v) động viên/ khuyến khích
Environment	(n) môi trường
* structure	
Move to.../ move in: chuyển đi/đến	

Busy + V-ing

Big-bigger (so sánh hơn)

Wide- wider

Look for ≈ find

Get on with ≈ have a good relationship with...

Remind S.O of

Provide S.t **for** S.o

Provide S.o **with** S.t

In the centre **of/ in** the suburb **of...**

HOMEWORK

- Learn vocabulary and structures by heart
- prepare unit 1- A closer look 1

Complete each sentence with a word or phrase from 3. 

of **remind** **facilities** **get on with** **community** **suburb**

1. They don't live in the city centre but in a **suburb** of Ha Noi.

2. I love our new neighbourhood because we **get on with** the people here.

3. There are enough sports **facilities** for people of all ages in our local park.

4. Souvenirs **remind** people **of** a place, an occasion, or a holiday.

5. The local **community** encourages us to protect the environment and keep our neighbourhood clean.